

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**

---

**NGUYỄN THANH PHÚ**

**QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ  
NGHIỆP CHO  
SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM  
MIỀN ĐÔNG NAM BỘ**

**Chuyên ngành: QUẢN LÝ GIÁO DỤC  
Mã số: 62. 14. 01. 14**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC**

**Hà Nội, 2014**

## CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ

1. Nguyễn Thanh Phú (2012), “ Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm trước yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục”, *Tạp chí khoa học giáo dục, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam.* ( số 84, tháng 9/2012), tr 31-32
2. Nguyễn Thanh Phú (2013), “Thực trạng nhận thức về đạo đức nghề nghiệp của sinh viên trường cao đẳng sư phạm Bình phước”, *Tạp chí Khoa học giáo dục, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam* (số 98, tháng 12/ 2013), tr 52-53
3. Nguyễn Thanh Phú ( 2014) “Quản lý giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trường cao đẳng sư phạm miền Đông Nam bộ” *Tạp chí Quản lý giáo dục, Học viện quản lý giáo dục- Bộ giáo dục và đào tạo* (Số 65, tháng 10/2014), Tr 50-53

## 1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đề xuất một số biện pháp quản lý nhằm đổi mới và nâng cao kết quả giáo dục ĐĐNN cho SV các trường CĐSP, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên cho các trường sư phạm.

## 2. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

### 2.1. Khách thể nghiên cứu

Quá trình giáo dục ĐĐNN cho Sinh viên (SV) ở trường CĐSP

### 2.2. Đối tượng nghiên cứu

Các biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên trường CĐSP

## 3. Giả thuyết khoa học

- Các văn bản cũng như thực tiễn QLGD cho thấy việc tổ chức giáo dục ĐĐNN cho sinh viên các trường CĐSP có ý nghĩa hết sức quan trọng trong quy trình đào tạo giáo viên. Song thực tế, kết quả tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SVSP hiện nay còn nhiều hạn chế, do nhiều yếu tố chi phối, trong đó việc quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV trong các trường CĐSP là một yếu tố cơ bản.

- Nếu đề xuất và triển khai được những biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên trong các trường CĐSP theo hướng thực hiện đồng bộ các chức năng quản lý phù hợp với thực tiễn đào tạo của các trường CĐSP hiện nay sẽ nâng cao được kết quả giáo dục ĐĐNN cho SVSP. Trong số các biện pháp thì biện pháp cải tiến và quản lý tốt thực tập sư phạm (TTSP) là biện pháp có tác dụng tích cực và kết quả rõ rệt nhất về giáo dục ĐĐNN cho SVSP so với các biện pháp khác.

## 3. Nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu

### 4.1. Nhiệm vụ nghiên cứu

4.1.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP trường CĐSP.

4.1.2. Đánh giá thực trạng công tác quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV CĐSP.

4.1.3. Đề xuất biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN trong các trường CĐSP nhằm nâng cao kết quả giáo dục ĐĐNN cho SV CĐSP.

4.1.4. Tổ chức khảo nghiệm các biện pháp được đề xuất và tổ chức thực nghiệm một biện pháp được đánh giá là quan trọng, cấp thiết nhất.

### 4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung nghiên cứu được giới hạn tập trung chủ yếu trong phạm vi quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV ở các trường CĐSP thuộc các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

- Thực trạng vấn đề nghiên cứu được đánh giá thông qua điều tra, khảo sát, các đối tượng là cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên 3 trường CĐSP tại khu vực miền Đông Nam bộ (Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa – Vũng Tàu).

- Tổ chức thực nghiệm sư phạm tại trường Cao đẳng sư phạm Bình Phước.

## 5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận: Nghiên cứu tài liệu liên quan đến lý luận quản lý giáo dục và đạo đức nghề nghiệp sư phạm để khái quát hóa các lý thuyết, quan điểm khoa học, xây dựng cơ sở lý luận về quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP.

trường CĐSP” cho thấy nâng cao ĐĐNN của SVSP một cách đáng tin cậy, có thể áp dụng cho các trường CĐSP.

- Luận án là tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà quản lý, GV, SVSP...là cơ sở khoa học cho việc đề xuất một số chính sách và cơ chế mới cho công tác quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV trong các trường CĐSP.

## **Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM**

### **1.1. Tổng quan lịch sử nghiên cứu vấn đề**

#### **1.1.1. Nghiên cứu về ĐĐNN và ĐĐNN sư phạm**

Hoạt động nghề nghiệp là phương thức sống chủ yếu nhất của con người. Vì vậy, ĐĐNN chính là một phần quan trọng trong đạo đức xã hội. Để sống, con người phải lao động và để lao động có kết quả tốt nhất, con người phải tuân thủ ĐĐNN.

ĐĐNN là yêu cầu không thể thiếu của bất cứ loại hình công việc nào. Mỗi một nghề nghiệp có những yêu cầu ĐĐNN đặc thù, có chuẩn mực đạo đức riêng biệt.

*Liên đoàn báo chí quốc tế IFJ* (International Federation of Journalists) đề ra những nguyên tắc ĐĐNN tại Đại hội các nghiệp đoàn báo chí toàn thế giới lần thứ hai, tổ chức tại Bordeaux –Pháp, tháng 4 năm 1954.

*Tổ chức quốc tế các hiệp hội thư viện (IFLA)* ban hành bản quy tắc về ĐĐNN và được xem như các khuyến nghị về mặt đạo đức mang tính định hướng cho cán bộ thư viện- thông tin.

*Quy định về ĐĐNN của Hiệp hội Tham vấn tâm lý Hoa Kỳ ACA* (ACA Code of Ethics, 2005) nhằm phục vụ cho năm (05) mục đích chính về ĐĐNN.

*Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC)* đã giải mã được 5 tiêu chuẩn đạo đức chung cần phải có của tất cả các kế toán chuyên nghiệp.

Ở Việt Nam ngày nay, những ngành nghề được ban hành các nguyên tắc quy định về các tiêu chuẩn, chuẩn mực ĐĐNN.

-*Nghề y*: Ngày 06/11/1996, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành “*Quy định về y đức*”, số 2088/BYT-QĐ

-*ĐĐNN của nghề làm báo* được quy định thành 9 điều về đạo đức báo chí Việt Nam, được Đại hội VIII Hội Nhà báo Việt Nam thông qua

-*Đạo đức trong kinh doanh*: Khẩu hiệu “ Khách hàng là thượng đế” hay “ Vui lòng khách đến vừa lòng khách đi”.

-*Nghề kế toán*: Bộ tài Chính đã ban hành và công bố *Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam* số 87/2005/QĐ-BTC.

-*Ngành tòa án*: 10 điều quy định về “*Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức ngành Tòa án nhân dân*”.

-*Ngành văn hóa, thể thao và du lịch* ban hành bộ quy tắc ứng xử (*Quyết định số 61/2008/QĐ-BVHTTDL* ngày 31 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Vấn đề GDĐĐ ở Việt Nam rất được quan tâm nghiên cứu:

- Nghiên cứu điều tra xu hướng nhân cách sinh viên - Ban Lý luận giáo dục và tâm lý học, Viện nghiên cứu Đại học và giáo dục chuyên nghiệp (1987 - 1988).
- Xây dựng lối sống và đạo đức cho sinh viên đại học sư phạm phục vụ cho sự nghiệp CNH - HĐH đất nước (mã số QG/96/08, Nguyễn Quang Uẩn).
- Hội thảo: “Định hướng giáo dục giá trị đạo đức trong các trường Đại học”, Bộ GD&ĐT (10/1996)
- Lối sống sinh viên hiện nay và những phương hướng, biện pháp giáo dục lối sống cho sinh viên (Đề tài cấp Bộ, mã số B94 - 38-32, Mạc Văn Trang làm chủ đề tài).
- Tác giả Phạm Minh Hạc trong cuốn “tâm lý học” đã dành riêng chương VIII để đề cập đến người thầy giáo...

Tác giả Hà Nhật Thăng nghiên cứu đúc kết về những giá trị đạo đức của nhà giáo Việt Nam. Tác giả Trần Quốc Thành cho rằng, “Trong giáo dục đại học, cùng với việc trang bị cho sinh viên một nền học vấn tiên tiến thì việc rèn luyện đạo đức, lối sống cho sinh viên trở thành vấn đề đặc biệt quan trọng” [54, tr.19]. Tác giả Nguyễn Hữu Long nghiên cứu về cấu trúc của “Lương tâm nghề dạy học” đã đề xuất chương trình “Nhập môn sư phạm” được thực hiện ngay trong tuần đầu tiên của năm học thứ nhất [54, tr.155].

Theo tác giả Nguyễn Đình Chính: “Lý tưởng nghề nghiệp có vai trò rất quan trọng, là hạt nhân trong nhân cách sư phạm”. Vai trò của công tác thực tập sư phạm phải được đặc biệt coi trọng.

### ***1.1.3. Nghiên cứu về quản lý giáo dục ĐĐNN sư phạm***

Ở Canada và một số nước Nam Á đã có các chương trình nghiên cứu về giáo dục đạo đức giáo viên bằng việc xây dựng luật giáo viên.

Tại bang Victoria-Úc, các nhà quản lý đã đưa ra “*Quy định về đạo đức sư phạm của bang Victoria, Australia*”.

Tác giả Phạm Đỗ Nhật Tiến khẳng định: hầu như nước nào cũng có luật hoặc bộ quy tắc về ĐĐNN trong giáo dục (gọi tắt là sư đức).

Ở Việt Nam, vấn đề quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên nói chung và SVSP nói riêng đã được đặt ra từ quan điểm của Đảng và Nhà nước.

Nhóm tác giả Bùi Minh Hiền - Vũ Ngọc Hải - Đặng Quốc Bảo khẳng định, đội ngũ giáo viên có vai trò rất quan trọng cho sự thành bại của sự nghiệp giáo dục..do vậy, giáo viên cần phải đạt “Chuẩn về đạo đức tư cách người thầy...”

Tác giả Bùi Văn Huệ thì khẳng định: “Trường sư phạm ngoài nhiệm vụ dạy học cho sinh viên - giáo sinh các môn khoa học cơ bản và khoa học sư phạm còn phải chăm lo rèn luyện nhân cách cho sinh viên - giáo sinh và định hướng nghề nghiệp cho họ”[52, tr.2-3].

Các vấn đề nghiên cứu về quản lý giáo dục ĐĐNN còn được trình bày ở một số đề tài luận án tiến sĩ.

- Luận án: *Những biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SVSP trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*- Nguyễn Anh Tuấn, 2008

#### **1.2.4. Những yêu cầu giáo dục ĐĐNN cho sinh viên sư phạm**

- Theo Chuẩn nghề nghiệp của giáo viên trung học: (Thông tư số 30/2009 /TT-BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
- Yêu cầu từ mục tiêu đào tạo của trường CĐSP.

#### **1.2.5. Những con đường hình thành và phát triển ĐĐNN sư phạm**

- Thông qua hoạt động dạy học các môn học chính khóa
- Bằng con đường hoạt động thực tiễn nghề sư phạm
- Thông qua các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt tập thể
- Thông qua sự tự rèn luyện của sinh viên

#### **1.2.6. Đặc điểm tâm lý sinh viên với việc hình thành ĐĐNN sư phạm**

Giáo dục ĐĐNN sư phạm muốn đạt kết quả tốt phải phù hợp với đặc điểm sinh viên:

- Về sự phát triển nhận thức, trí tuệ và động cơ học tập;
- Đời sống tình cảm của tuổi sinh viên;
- Đặc điểm về tự đánh giá, tự giáo dục ở sinh viên;
- Sự phát triển về định hướng giá trị ở sinh viên.

### **1.3. Lý luận về quản lý giáo dục đạo đức nghề nghiệp sư phạm**

#### **1.3.1. Khái niệm quản lý giáo dục đạo đức**

- **Khái niệm quản lý giáo dục:** Quản lý giáo dục là quá trình tác động có ý thức (có mục đích, có tổ chức) của chủ thể quản lý tới khách thể, thực hiện các chức năng quản lý nhằm đưa hoạt động sư phạm của hệ thống giáo dục đạt các mục tiêu giáo dục đã xác định.

- **Quản lý giáo dục đạo đức:** Quản lý giáo dục đạo đức là sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý tới khách thể quản lý nhằm đưa hoạt động giáo dục đạo đức đạt được kết quả theo mục tiêu xác định.

#### **1.3.2. Quản lý giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm**

Quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP là sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý tới khách thể quản lý bằng các biện pháp phù hợp nhằm thực hiện các hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SVSP đạt được kết quả theo mục tiêu đã xác định.

- Xét ở phương diện hoạt động quản lý (Theo hướng tiếp cận của đề tài) thì quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP bao gồm các hoạt động:

1. Cụ thể hóa mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho SVSP
2. Kế hoạch hóa giáo dục ĐĐNN cho SVSP
3. Tổ chức việc giáo dục ĐĐNN cho SVSP
4. Chỉ đạo các tổ chức, hoạt động động triển khai theo chức năng
5. Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho SVSP

#### **1.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP**

- Nhận thức của CB, GV, SV về giáo dục ĐĐNN cho SVSP
- Thái độ của CB, GV, HS đối với các hoạt động giáo dục ĐĐNN
- Môi trường sư phạm của nhà trường
- CSVC thiết bị phục vụ hoạt động quản lý giáo dục ĐĐNN
- Điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương

## Chương 2

### THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

#### 2.1. Khái quát đặc điểm các trường cao đẳng sư phạm miền Đông Nam Bộ

#### 2.2. Tổ chức điều tra khảo sát về thực trạng

##### 2.2.1. Mục tiêu khảo sát:

- Nhằm đánh giá thực trạng về quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên sư phạm trong các trường CĐSP miền Đông nam bộ.
- Giúp xác định cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng các biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP

##### 2.2.2. Nội dung khảo sát:

- Thực trạng ĐĐNN của SVSP hiện nay
- Thực trạng quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP hiện nay
- Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SVSP

**2.2.3. Đối tượng khảo sát:** Khảo sát tại các trường: CĐSP Bà Rịa- Vũng Tàu; CĐSP Tây Ninh; CĐSP Bình Phước. Gồm: Sinh viên năm thứ 2: 320; Giảng viên: 90; Cán bộ Đoàn: 30; Lãnh đạo nhà trường: 10; Các lực lượng xã hội: 20.

**2.2.4. Phương pháp khảo sát:** Dùng phương pháp điều tra khảo sát bằng bộ câu hỏi nhằm có cơ sở để định lượng. Dùng phương pháp phỏng vấn, tọa đàm, quan sát, tham dự các hoạt động và nghiên cứu các sản phẩm nhằm có cơ sở định tính các thực trạng.

#### 2.3. Thực trạng ĐĐNN của sinh viên trường CĐSP hiện nay

##### 2.3.1. Thực trạng nhận thức chung về các chuẩn mực ĐĐNN của SVSP

Bảng 2.1.1: Thực trạng nhận thức về các chuẩn mực ĐĐNN của sinh viên

TT	Các tiêu chuẩn, phẩm chất	Mức độ					
		Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết	
		Sv	Các LLGD	Sv	Các LLGD	Sv	Các LLGD
1	Có lý tưởng XHCN	49,2	69,2	46,7	30,8	4,2	0
2	Có niềm tin nghề nghiệp	55	57	42,9	43	2,1	0
3	Có phẩm chất đạo đức tốt	84,2	89	15,4	11	0,4	0
4	Có lòng yêu nghề, yêu trẻ	73,3	81	25,8	19	0,8	0
5	Có kiến thức chuyên môn vững vàng	81,3	86	18,3	14	0,4	0

Từ bảng trên thấy rằng những tiêu chuẩn sau được sinh viên và các lực lượng giáo dục đánh giá cao và cho rằng rất cần thiết đối với người giáo viên là:

- Có phẩm chất đạo đức tốt: 84,2- 89% ( xếp hạng 1)
- Có kiến thức chuyên môn vững vàng: 81,3%- 86 ( xếp hạng 2)
- Có lòng yêu nghề, yêu trẻ: 73,3 – 81% ( xếp hạng 3)

*Nhận xét:* Những hành vi tốt phổ biến hiện nay của sinh viên biểu hiện không cao như: Chấp hành các quy định của trường; thờ ơ với các hoạt động từ thiện giúp đỡ mọi người và sinh hoạt ngoại khóa rèn luyện ĐĐNN. Hành vi tốt nổi lên chủ yếu là học tập nội khóa trau dồi chuyên môn nghiệp vụ (52,2-52,6%).

## 2.4. Thực trạng giáo dục ĐĐNN cho SV trường CĐSP

### 2.4.1. Nhận thức về mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho SV trường CĐSP

Bảng 2.1.4: Nhận thức về mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho SVSP

TT	Mục tiêu	Tầm quan trọng (%)											
		Thứ 1				Thứ 2				Thứ 3			
		SV		LL GD		SV		LL GD		SV		LL GD	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Yêu nghề, gắn bó với nghề dạy học	243	76,0	121	80,7	64	20	24	16	12	4	4	3,3
2	Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo	218	68,2	109	73,3	92	29	37	24,7	8	2,8	1	1,3
3	Tôn trọng, đối xử công bằng với học sinh	251	78,5	111	74	62	19,5	37	25,3	6	2	1	0,7
4	Tinh thần ham học hỏi, cầu tiến bộ.	78	24,6	28	19,3	195	61	96	64	46	14,4	25	16,7
5	Sống trung thực, lành mạnh	83	26,0	28	19,3	150	47	100	66,7	86	27	21	14

*Nhận xét:* Các mục tiêu giáo dục ĐĐNN được đánh giá cao nhất là: Yêu nghề, gắn bó với nghề: (76-80,7%); Tôn trọng, đối xử công bằng với học sinh: (78,5-74%); Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo: (68,2-73,3%).

### 2.4.2. Thực trạng phối hợp các lực lượng tham gia giáo dục ĐĐNN

Bảng 2.1.5: Nhà trường phối hợp với các lực lượng giáo dục ĐĐNN cho SV

T	T	Các lực lượng giáo dục chủ yếu	Đánh giá (%)			
			Phối hợp		Quan trọng nhất	
			SV	Các LLDG	SV	Các LLGD
1		Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	65	70,7	61	46
2		Giáo viên chủ nhiệm	61	65,3	60	53,3
3		Phòng công tác học sinh- sinh viên	11	15,3	17	5,3
4		Công đoàn nhà trường	51	62	62,2	50,7
5		Công an địa bàn địa phương...	37	48	39	20,7

Việc phối hợp các lực lượng tham gia giáo dục ĐĐNN cho SVSP chủ yếu vẫn là vai trò của các bộ phận trong nhà trường như: Đoàn TNCSHCM (65-70,7%) GVCN (61-65,3%). Đây cũng là lực lượng giữ vai trò quan trọng nhất.



## 2.5. Thực trạng công tác quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên trường CĐSP

### 2.5.1. Thực trạng về nội dung quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV trường CĐSP

Bảng 2.1.8: Thực trạng nội dung quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên

TT	Nội dung	Đánh giá của cán bộ quản lý giáo dục (%)			
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
1	Xây dựng kế hoạch quản lý	9	11	57	23
2	Tổ chức triển khai kế hoạch	5	7	69	19
3	Chỉ đạo thực hiện kế hoạch	6	8	71	15
4	Kiểm tra đánh giá công tác	2	7	75	16

### 2.5.2. Thực trạng xây dựng kế hoạch QL giáo dục ĐĐNN

Bảng 2.1.9: Thực trạng xây dựng kế hoạch QL giáo dục ĐĐNN cho SVSP

TT	Kế hoạch	Mức độ %					
		Tốt		Trung bình		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	KH năm	126	84	93	62	85	57
2	KH học kỳ	90	60	81	54	54	36
3	KH tháng	73	49	75	50	57	38
4	KH tuần	73	49	46	31	87	58
5	KH theo cấp trên	70	47	76	51	42	28
6	KH theo sự kiện phát sinh	63	42	97	65	49	33

*Nhận xét:* Kế hoạch giáo dục ĐĐNN được các nhà trường chú ý xây dựng là kế hoạch năm học và học kỳ. Tuy nhiên còn có sự ngộ nhận và chưa rõ ràng về kế hoạch GDĐĐ và giáo dục ĐĐNN cho SVSP. Các kế hoạch tháng, tuần, đợt xuất hiện thoáng mới xây dựng.

### 2.5.3. Thực trạng về tổ chức giáo dục ĐĐNN cho sinh viên trường CĐSP

Bảng 2.10: Thực trạng về tổ chức quản lý giáo dục ĐĐNN cho sinh viên SP

TT	Hoạt động GDĐĐNN cho SVSP	Đánh giá cán bộ quản lý GD			
		Đã thực hiện		Có hiệu quả cao	
		SL	%	SL	%
1	Chỉ đạo qua giảng dạy bộ môn ...	110	73,8	57	38
2	Chỉ đạo qua bài giảng các bộ môn...	116	77,5	54	36
3	Chỉ đạo sinh hoạt lớp, Đoàn, Hội sinh viên	97	65	52	35
4	Chỉ đạo hoạt động văn nghệ, lễ hội	105	70,4	44	29,6
5	Chỉ đạo hoạt động rèn luyện nghiệp vụ SP	71	47,5	33	22,5

*Nhận xét:* Nhiều hình thức tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SV được nhà trường chỉ đạo thực hiện được đánh giá là có diện rộng nhưng tính hiệu quả chưa cao. Thông qua tuần sinh hoạt GDCD; Thông qua hoạt động TTSP hàng năm; Thông qua giảng dạy bộ môn chủ nghĩa Mác- Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh...

*Nhận xét:* Việc đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức và ĐĐNN cho SV tiến hành thường xuyên là: Phối hợp tự đánh giá của SV với tập thể SV, giáo viên chủ nhiệm, khoa, trường. Mặt hạn chế như: Chưa có nội dung tiêu chí rõ ràng về ĐĐNN SP để đánh giá đảm bảo công bằng, chính xác.

## 2.6. Các yếu tố ảnh hưởng

*Bảng 2.14. Nguyên nhân hạn chế hiệu quả QL giáo dục ĐĐNN cho SVSP*

STT	Các nguyên nhân	Số ý kiến(%)	Xếp bậc
1	Tác động tiêu cực của KT-CT-XH	64,5	9
2	Môi trường văn hoá sư phạm	87,0	3
3	Nhận thức về công tác giáo dục ĐĐNN	87,5	1
4	Ảnh hưởng của thái độ, hành vi	66,5	8
5	CSVC hiện tại của nhà trường	74,25	7

*Nhận xét:* \* **Nhóm nguyên nhân chủ quan:** Do nhận thức về tầm quan trọng của công tác giáo ĐĐNN cho SVSP của CBQL, GV, SV còn hạn chế; thái độ hưởng ứng chưa cao. Kết quả từ phương pháp tổng kết thực tiễn và phỏng vấn, thảo luận nhóm cho thấy ngoài nhận thức, thái độ đối với cán bộ quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP còn hạn chế thì chỉ đạo việc rèn luyện ĐĐNNSP trong thực hành, thực tập SP còn nhiều bất cập.

\* **Nhóm nguyên nhân mang tính khách quan:** Ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới với những tác động của cơ chế thị trường. Ảnh hưởng của môi trường sư phạm là rất quan trọng. Ảnh hưởng về CSVC và các phương tiện phục vụ cũng là những yếu tố tác động làm giảm hiệu quả quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP.

## 2.7. Đánh giá khái quát thực trạng QL giáo dục ĐĐNN cho SVSP

**2.7.1. Những ưu điểm:** CBQL và đội ngũ giáo viên của trường đều nhận thức được về vai trò, vị trí của công tác quản lý giáo dục ĐĐNN. Các CBQL đã cố gắng tìm ra những giải pháp trong giáo dục ĐĐNN cho SV nhưng hiệu quả chất lượng giáo dục toàn diện cho sinh viên chưa cao.

**2.7.2. Những hạn chế:** Mặc dù CBQL và giáo viên, đều có nhận thức về tầm quan trọng của nó song còn mờ nhạt. Việc triển khai kế hoạch còn mang tính thụ động. Mặt khác, nhà trường đang còn thiên về đào tạo chuyên môn, nghề nghiệp cho sinh viên, xem nhẹ công tác giáo dục ĐĐNN. Hạn chế nữa là việc quản lý hoạt động giảng dạy của giáo viên trong việc lồng ghép kiến thức giáo dục đạo đức ĐĐNN cho SVSP còn lúng túng; chỉ đạo TTSP còn một số bất cập. Việc phối kết hợp với các lực lượng trong nhà trường chưa thật sự đồng bộ. Môi trường sư phạm nhà trường chưa đáp ứng yêu cầu. Điều kiện CSVC và tài chính còn hạn chế nhiều mặt. Sự phối kết hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội chưa được thực hiện tốt.

**3.2.4- Biện pháp 4:** Chỉ đạo triển khai kế hoạch giáo dục Đ ĐNN theo hướng tích hợp, lồng ghép trong hoạt động dạy học chính khóa và hoạt động ngoại khóa

**3.2.5- Biện pháp 5:** Cải tiến quản lý, tổ chức công tác kiến tập, thực tập sư phạm nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SVSP

**3.2.6- Biện pháp 6:** Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra, đánh giá theo các tiêu chí rèn luyện ĐĐNN của sinh viên SP

**3.2.7- Biện pháp 7:** Tăng cường cơ sở vật chất, các nguồn lực và sử dụng hợp lý để phục vụ quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP

### 3.3. Khảo nghiệm tính khả thi của giải pháp

*Bảng 3.15: Kết quả khảo nghiệm biện pháp theo ý kiến đánh giá của chuyên gia.*

STT	Các biện pháp	Ý kiến đánh giá							
		Rất đ.ý	%	Đ.ý	%	Phân vân	%	Kđ.ý	%
1	Nâng cao nhận thức ...	46	83,6	5	9,09	4	7,2	0	0
2	Kế hoạch hóa nội dung ...	43	78,1	9	16,4	3	5,5	0	0
3	Phân công đội ngũ GVCN...	39	70,9	8	14,5	8	14,5	0	0
4	Chỉ đạo triển khai kế hoạch	42	76,4	10	18,2	3	5,4	0	0
5	Cải tiến công tác TTSP...	50	90,9	5	9,1	0	0	0	0
6	Tăng cường k.tra, đánh giá	43	78,1	11	20	1	1,8	0	0
7	Tăng cường CSVC...	41	75,4	10	18,2	4	7,2	0	0

*(Kết quả khảo sát cho thấy đa số ý kiến chuyên gia rất đồng ý và đồng ý cao)*

### 3.4. Thực nghiệm kiểm chứng tính khả thi các biện pháp giáo dục ĐĐNN

**3.4.1. Mục đích thực nghiệm:** Nhằm kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu: Cải tiến và quản lý tốt TTSP sẽ đem lại kết quả tích cực về giáo dục ĐĐNN cho SVSP. Giả thuyết này đã được xác tín qua khảo nghiệm ý kiến chuyên gia. Tuy nhiên cần được triển khai thực nghiệm trong thực tiễn sư phạm.

#### 3.4.2. Giới hạn thực nghiệm

+ Nội dung biện pháp thực nghiệm: Biện pháp cải tiến quản lý tổ chức công tác TTSP cho SV trường CĐSP

+ Địa điểm thực nghiệm: Trường THCS trong các huyện SVSP về TTSP

+ Khách thể thực nghiệm: Sinh viên tham gia TTSP

+ Thời gian thực nghiệm: Chúng tôi tiến hành thực nghiệm sinh viên khối K13 CĐSP của trường CĐSP Bình Phước, trong khoảng thời gian trước, trong và sau đợt TTSP năm 3 của khối K13 CĐSP.

**3.4.3. Nội dung thực nghiệm:** Kế hoạch quản lý TTSP: Các hoạt động- Các nội dung- Các yêu cầu cần đạt (Phụ lục 5).

#### 3.4.4. Cách tiến hành thực nghiệm (Tổ chức thực nghiệm)

a. Cách chọn mẫu thực nghiệm:

Tiến hành thực nghiệm trên 150 sinh viên khối K13 CĐSP của trường CĐSP Bình Phước (chia thành hai nhóm thực nghiệm và đối chứng). Sau đó chúng tôi tiến hành đánh giá đầu vào về mặt nhận thức, thái độ, hành vi của SV thuộc hai nhóm thực nghiệm và đối chứng.

CĐSP là rất cần thiết, nhưng nhà trường cần phải tăng cường một số biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN phù hợp nhằm đồng bộ quá trình tuyên truyền, giáo dục ĐĐNN cho SVSP một cách có kế hoạch, có lộ trình thích hợp để chuẩn bị tốt hơn về mọi mặt cho SV trước và trong khi đi TTSP, nếu không sẽ không có tác dụng đối với một số SV.

- Tỷ lệ SV xếp loại tốt của nhóm TN tăng khá cao (Đánh giá đầu vào thấp hơn: Nhóm TN: 13,33%; Nhóm ĐC: 13,92%; đến lúc đánh giá đầu ra thì cao hơn hẳn: Nhóm TN: 30%; Nhóm ĐC: 22,15%). Qua đây thêm một lần nữa khẳng định các biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN đã áp dụng lên nhóm TN đã thực sự có tác dụng.

- Cả hai nhóm TN và ĐC đều có điểm trung bình mẫu tăng cao hơn trước (Nhóm TN: 7,17  $\rightarrow$  7,8; Nhóm ĐC: 6,95  $\rightarrow$  7,2) qua đây cho thấy giai đoạn TTSP có ảnh hưởng khá lớn trong việc nhận thức ĐĐNN của SVSP. Tuy nhiên, vì chỉ có nhóm TN được áp dụng các biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN nên điểm trung bình của nhóm TN đã cao hơn hẳn so với nhóm ĐC (Nhóm TN: 7,8; Nhóm ĐC: 7,2). Hơn nữa thông qua phép kiểm u ta có  $|u| = 4,05 > 2,58$ , ta có thể khẳng định sự khác biệt giữa hai giá trị trung bình là có ý nghĩa với ngưỡng sai lầm  $\sigma = 0,01$ , tức là hai nhóm TN và ĐC có sự khác nhau về mặt nhận thức. Như vậy, nhờ áp dụng các biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN phù hợp đã giúp cho sinh viên nhóm TN đã có nhận thức về ĐĐNN tốt hơn so với nhóm ĐC.

#### Về mặt thái độ

Điểm số	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Tổng
Nhóm thực nghiệm	0	0	0	0	0	2	19	34	44	39	12	150
Nhóm đối chứng	0	0	0	0	4	14	31	39	34	30	6	158

Xếp loại	Nhóm thực nghiệm		Nhóm đối chứng	
	số lượng	%	số lượng	%
Yếu	0	0,00	4	2,53
TB	21	14,00	45	28,48
Khá	78	52,00	73	46,20
Tốt	51	34,00	36	22,79
Trung bình mẫu ( $\bar{X}_{tb}$ )	7,90		7,26	
Phương sai mẫu	1,43		1,75	

$$u = \frac{\bar{X}_1 - \bar{X}_2}{\sqrt{\frac{S_1^2}{n_1} + \frac{S_2^2}{n_2}}} \approx \frac{7,90 - 7,26}{\sqrt{\frac{1,43}{150} + \frac{1,75}{158}}} \approx 4,46 > 2,58$$

Qua kết quả cho thấy: Điểm trung bình của nhóm TN đã cao hơn hẳn so với nhóm ĐC (Nhóm TN: 7,9; Nhóm ĐC: 7,26). Hơn nữa thông qua phép kiểm u ta có  $|u| = 4,46 > 2,58$ , ta có thể khẳng định sự khác biệt giữa hai giá trị trung bình là có ý nghĩa với ngưỡng sai lầm  $\sigma = 0,01$ , tức là hai nhóm TN và ĐC có sự

### KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Từ đánh giá thực trạng quản lý giáo dục ĐĐNN cho SV trong một số trường CĐSP khu vực miền Đông nam bộ trong giai đoạn hiện nay, chúng tôi đề xuất 7 biện pháp quản lý giáo dục ĐĐNN trong các trường CĐSP nhằm nâng cao kết quả giáo dục ĐĐNN cho sinh viên CĐSP. Các biện pháp được đa số chuyên gia đánh giá cao cho thấy sự cần thiết và tính khả thi của các giải pháp. Các biện pháp cần được thực hiện đồng bộ và gắn bó với nhau, làm tiền đề cho nhau nhằm đạt được kết quả cao nhất đặt trong hệ thống quản lý nhà trường.

Thực nghiệm biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SVSP thông qua quản lý tốt TTSP ở nhà trường phổ thông cho thấy kết quả là sự chuyên biến và thay đổi theo hướng tích cực hơn về nhận thức, thái độ và hành vi của SVSP về ĐĐNN. Trong các con đường sử dụng để giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm thì hoạt động thực hành nghiệp vụ sư phạm là con đường có những khả năng hết sức to lớn. Với vị trí là cầu nối giữa lý thuyết và thực tiễn, thực hành nghiệp vụ sư phạm tạo ra những điều kiện thuận lợi để sinh viên có sự nhận thức sâu sắc về các giá trị nghề nghiệp, được trải nghiệm về các giá trị nghề nghiệp và vận dụng chúng vào việc giải quyết các tình huống đa dạng của thực tiễn giáo dục nhà trường phổ thông. Từ kết quả nghiên cứu đã cho phép kết luận, việc tổ chức giáo dục đạo đức nghề nghiệp theo một quy trình được tích hợp trong quy trình tổ chức hoạt động thực hành nghiệp vụ sư phạm là có tính khả thi, hợp lý và có hiệu quả cao. Nếu việc quản lý giáo dục ĐĐNN được cải tiến hoàn thiện và chú trọng gắn với các tiêu chí rèn luyện ĐĐNN trước, trong và sau các kỳ TTSP chắc chắn sẽ đạt kết quả cao hơn nữa.

### KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

#### 1. Kết luận

1.1. Kết quả nghiên cứu lý luận cho thấy bất kể ngành nghề nào trong xã hội cũng đòi hỏi có ĐĐNN tương ứng. Đối với nghề sư phạm, đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo càng đòi hỏi cao, vì đó là nghề mà đối tượng của nó là con người, là hình thành nhân cách thế hệ trẻ theo mong đợi của xã hội.

*Đạo đức NNSP là hệ thống những chuẩn mực đạo đức phản ánh những yêu cầu của xã hội, của bản thân nghề nghiệp đó đối với người lao động sư phạm, giúp họ có nhận thức, thái độ, hành vi đúng đắn trong nghề nghiệp để hoàn thành tốt nhiệm vụ.*

Từ đó luận án trình bày lý luận về giáo dục ĐĐNN cho SVSP và xác định rõ khái niệm quản lý giáo dục ĐĐNN cho SVSP. Đó là “*Sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý tới khách thể quản lý bằng các biện pháp phù hợp nhằm hướng hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SVSP đạt kết quả tốt theo mục tiêu đã xác định*”.

## 2. Khuyến nghị

**2.1. Với Bộ giáo dục và đào tạo:** - Ban hành các văn bản pháp quy xác định đầu đủ nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức, cá nhân phụ trách công tác giáo dục ĐĐNN cho SV ở nhà trường.

- Xây dựng được một nội dung chương trình tài liệu về giáo dục ĐĐNN cho SVSP trong đó với những giá trị cốt lõi về đạo đức truyền thống Việt nam kết hợp với giá trị đạo đức truyền thống nhà giáo.

- Có chế độ chính sách đặc thù thỏa đáng đối với đội ngũ làm công tác quản lý, tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SVSP để có sự toàn tâm chăm lo công tác.

- Cần có chính sách sử dụng sinh viên sư phạm được nhà nước bao cấp kinh phí đào tạo sau khi tốt nghiệp ra trường, tránh sự lãng phí tốn kém quá lớn khi nguồn nhân lực này ra trường không được bố trí công việc. Từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến SVSP.

### 2.2. Với các nhà quản lý các trường CĐSP:

- Các trường CĐSP cần xây dựng kế hoạch tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SVSP ngay từ đầu năm học; Xây dựng kế hoạch phối kết hợp với gia đình các lực lượng giáo dục trên địa bàn tỉnh nhà về GD&ĐT nói chung và giáo dục ĐĐNN cho HSSV nói riêng. Đặc biệt chú ý đến kế hoạch TTSP.

- Cần đầu tư về con người, về kinh phí, CSVC; Cần có chế độ động viên, khuyến khích bằng vật chất và tinh thần đối với những người làm công tác HSSV. Tổ chức tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ trợ lý công tác HSSV của các khoa về giáo dục ĐĐNN cho SV.

- Nhà trường tham mưu với UBND Tỉnh ban hành quy chế phối kết hợp giữa nhà trường, chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể... trong công tác quản lý HS,SV ở ngoại trú trên địa bàn Tỉnh.

**2.3. Với Đoàn TNCSHCM, Hội sinh viên:** Tổ chức Đoàn, Hội HSSV của các trường CĐSP cần thường xuyên bám sát nội dung, thay đổi hình thức hoạt động nhằm kích thích tinh thần hăng say hoạt động, thích tìm tòi và khám phá cái mới của SV để hướng vào giáo dục ĐĐNN cho SVSP một cách thiết thực.

**2.4. Với GV chủ nhiệm:** GVCN có vị trí đặc biệt là thực hiện vai trò liên kết các lực lượng giáo dục trong nhà trường nhằm giáo dục đạo đức cho sinh viên. Là cầu nối trong hoạt động tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SVSP trong và ngoài nhà trường nâng cao hiệu quả đáp ứng yêu cầu mục tiêu đề ra.

**2.5. Đối với sinh viên sư phạm:** Cần nhận thức rõ về vai trò, trách nhiệm của bản thân, tự giác học tập, tu dưỡng rèn luyện ĐĐNN sư phạm để hoàn thiện nhân cách nhà giáo ngay từ khi còn đào tạo trong trường sư phạm. Vì ĐĐNN không tự nhiên mà có, mà phải do bản thân tự nhận thức, tự rèn luyện với thái độ say mê nghề nghiệp thì mới thực sự thành công.